

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Huế.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Võ Phương Dung;

2. Ông Trần Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Trí** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 6 – Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 280/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Chamaleá Thị B**, sinh năm: 1992; Có mặt.

CCCD: 058192010117 cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị H** – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K; Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Kator N**, sinh ngày 19/5/1987; Vắng mặt.

CCCD: 058087004900.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Chamaleá Thị B** trình bày: Bà và ông **Kator N** tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2014 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã T, tỉnh Khánh Hòa). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà mẹ của bà theo phong tục người Raglai tại thôn Đ, xã T. Trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông N thường xuyên nhậu say rồi gây gổ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, đánh nhau. Gia đình và đại diện thôn cũng hòa giải cho

vợ chồng bà nhiều lần nhưng không được nên từ năm 2020 thì ông N bỏ về nhà của cha mẹ ruột ở cho đến nay không về chung sống với mẹ con bà.

Hiện nay, giữa bà và ông N không còn tình cảm vợ chồng, không gặp nhau để hòa giải, không hàn gắn được tình cảm bà đã hết tình cảm với chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Chamaleá Thị Uyên T – sinh ngày: 28/5/2015 hiện đang ở với bà. Ông N chỉ thăm nom và cho con quà rồi đi chứ không chu cấp nuôi con thường xuyên. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà làm công nhân tại Đồng Nai, thu nhập 7.000.000đồng/tháng đủ lo cho cuộc sống hai mẹ con. Ông N đi làm xa, thu nhập của ông N thì bà không biết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà B xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà B được trực tiếp nuôi dưỡng do từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì con chung ở với bà B và được nuôi dưỡng đầy đủ phát triển bình thường về mọi mặt. Con chung là cháu Chamaleá Thị Uyên T – sinh ngày: 28/5/2015 cũng có ý kiến xin được ở với mẹ, bà B hiện nay cũng có việc làm và thu nhập ổn định nên đủ khả năng lo cho con mà không cần ông N cấp dưỡng. Tài sản và nợ đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện nay bà B là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà B.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Kator N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn chưa chấp hành pháp luật do vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa dù được triệu tập hợp lệ.

Về nội dung: Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Chamaleá Thị B và ông Kator N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể hòa giải được với nhau về tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B và giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Chamaleá Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được miễn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Chamaleá Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kator N, yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bị đơn có nơi cư trú ở xã T, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Kator N. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 06/01/2025, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 26/01/2026. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Kator N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Chamaleá Thị B và ông Kator N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã T, tỉnh Khánh Hòa) vào ngày 08/02/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, ông N thường xuyên nhậu say rồi gây gỗ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau đánh nhau, gia đình và đại diện thôn Đ cũng hòa giải nhưng không được. Ông N – bà B đã sống mỗi người một nơi từ năm 2020 đến nay, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Hiện nay, bà B xác định không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu ly hôn với ông N. Phía ông N tuy được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà B nhưng không có ý kiến gì, không tham gia hoà giải cho thấy ông N cũng không có thiện chí để níu kéo tình cảm vợ chồng. Chính quyền địa phương nơi bà B, ông N đăng ký thường trú (Ban Q) cũng xác nhận ông N – bà B không chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, con chung ở với bà B, được nuôi dưỡng đầy đủ, phát triển bình thường.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà B và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B được ly hôn với ông N.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng bà B – ông N có 01 con chung tên Chamaleá Thị Uyên T, sinh ngày 28/5/2015, từ khi con chung sinh ra và sau khi ông N bỏ đi cho đến nay đều do bà B nuôi dưỡng, chăm sóc, bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà B hiện nay cũng có việc làm và có thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển bình thường cho con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao 01 con chung chưa thành niên là cháu T cho bà B có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù

hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà B không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Chamaleá Thị B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chamaleá Thị B đối với bị đơn ông Kator N.

1. Về hôn nhân: Bà Chamaleá Thị B được ly hôn với ông Kator N.

2. Về con chung: Bà Chamaleá Thị B có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung chưa thành niên là Chamaleá Thị Uyên T, sinh ngày 28/5/2015. Ông Kator N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) cho bà Chamaleá Thị B.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn - quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2025), bị đơn vắng mặt - quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 6;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Thuận Bắc;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế